

KẾT QUẢ VÒNG 1 KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2016 VÀO CỤC THUẾ BÌNH PHƯỚC

(Kèm theo Thông báo số 3108 /TB-HĐTD ngày 05/9/2017 của Chủ tịch HĐTD công chức Tổng cục Thuế năm 2016)

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I. Chuyên viên và Kiểm tra viên thuế																			
1	Nguyễn Thị Vân	Anh				25	6	1991	Xã Phạm Trấn, huyện Gia Lộc tỉnh Hải Dương	Đại học Nông Lâm TP HCM	Kế toán		BPH00116		65.00	38.75	67.50		BPH00047
2	Nguyễn Thị Hồng	Ánh				15	1	1990	Thừa Thiên Huế	Đại học Sài Gòn	Kế toán		BPH00166		VT	VT	VT		BPH00042
3	Mai Thị Thanh	Bình				2	9	1990	Hà Châu, Hà Trung, Thanh Hoá	Đại học Văn Hiến	Kế toán		BPH00222		55.00	58.75	70.00		BPH00048
4	Vũ Đình	Định	8	3	1993				Hải Dương	Đại học Nguyễn Tất Thành	Tài chính ngân hàng		BPH00546		VT	VT	VT		BPH00024
5	Lê Thị Thùy	Dung				12	3	1993	Thanh Hóa	Trường Đại học Kinh tế TPHCM	Kế toán doanh nghiệp		BPH00586		62.50	48.75	82.50		BPH00071
6	Phạm Trung	Dũng	1	6	1990				Nam Định	Đại học Ngoại thương TP HCM	Kinh tế Đối ngoại		BPH00642		VT	VT	VT		BPH00052
7	Hán Thành	Dương	24	10	1994				Xã Gia Thanh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú thọ	Đại học Quốc tế	Tài chính doanh nghiệp		BPH00658		42.50	65.00	55.00		BPH00030
8	Nguyễn Thị	Hà				28	8	1992	Quảng Bình	Đại học Bình Dương	Kế toán		BPH00836		62.50	52.50	62.50		BPH00029
9	Trần Thị	Hà				23	1	1990	Hải Dương	Trường Đại học Công nghiệp TPHCM	Kế toán - Kiểm toán		BPH00865		52.50	38.75	52.50		BPH00068
10	Trần Thụy Mai	Hân				27	8	1994	Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Marketing	Thuế		BPH00900		57.50	52.50	65.00		BPH00040
11	Phùng Thị	Hằng				10	1	1992	Xã Yên Sơn, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây	Học Viện hành chính	Quản lý tài chính công		BPH00953		60.00	47.50	55.00		BPH00066
12	Vũ Thị	Hằng				18	1	1994	Xóm 1, Đội 21, Điện Xá, Nam Trực, Nam Định	Đại học Thành Đô	Kế toán		BPH00961		62.50	55.00	57.50		BPH00036
13	Trần Thị	Hạnh				28	3	1994	Xóm Lâm Phúc, xã Sơn Lâm, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Giao thông vận tải	Kế toán tổng hợp		BPH00993		VT	VT	VT		BPH00043
14	Lê Hồng	Hào	15	6	1989				Bình Trung, Thăng Bình, Quảng Nam	Đại học Quang Trung	Tài chính ngân hàng		BPH01003		40.00	36.25	32.50		BPH00027
15	Lê Trí	Hiếu	20	6	1993				Thừa Thiên Huế	Đại học Luật TP HCM	Luật thương mại		BPH01095		62.50	61.25	67.50		BPH00049
16	Nguyễn Ngọc	Hoa				26	8	1993	Bình Lãng, Tứ kỳ, Hải Dương	Học Viện Ngân Hàng	Tài chính Doanh nghiệp		BPH01136		VT	VT	VT		BPH00054
17	Nguyễn Thị Thanh	Hoa				18	1	1990	Hưng Yên	Đại học Nông Lâm TP HCM	Quản trị kinh doanh thương mại		BPH01144		VT	VT	VT		BPH00063
18	Dương Minh	Hoài	20	7	1992				Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế TPHCM	Quản trị kinh doanh		BPH01168		57.50	36.25	65.00		BPH00034
19	Nguyễn Doãn	Hoàn	21	1	1986				Xuân Trường, Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Sài Gòn	Kế toán	HTNVQS	BPH01176	10	57.50	32.50	37.50		BPH00020
20	Nguyễn Thị	Hồng				26	10	1987	Đồng Anh, Hà Nội	Đại học Sài Gòn	Kế toán		BPH01227		VT	VT	VT		BPH00057
21	Nguyễn Thị	Huân				29	3	1978	Vĩnh Phúc	Đại học Sài Gòn	Kế toán		BPH01249		65.00	60.00	75.00		BPH00059
22	Nguyễn Thị Kim	Hương				6	2	1989	An Cư, Tuy An, Phú Yên	Đại học Kinh tế TPHCM	Kế toán		BPH01331		VT	VT	VT		BPH00016
23	Trần Thị Thanh	Lan				29	11	1985	Bình Phước	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng TPHCM	Kế toán - Kiểm toán		BPH01624		VT	VT	VT		BPH00067
24	Trần Ngọc	Linh				15	7	1993	Bình Phước	Đại học Sài Gòn	Tài chính		BPH01791		65.00	78.75	70.00		BPH00002
25	Nguyễn Thị Châu	Long				15	9	1990	Ứng Hoà, Hà Tây	Đại học Sài Gòn	Quản trị kinh doanh		BPH01899		52.50	45.00	62.50		BPH00064
26	Nguyễn Tuấn	Long	4	11	1994				Hà Nội	Đại học Kinh tế TPHCM	Kiểm toán		BPH01901		72.50	80.00	75.00		BPH00035
27	Nguyễn Thị Mây	Ly				25	4	1987	Nghĩa Thương, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế TPHCM	Kế toán		BPH01933		VT	VT	VT		BPH00021
28	Đỗ Trần Nguyệt	Nga				7	9	1993	Phượng Sơn, Lục Ngạn, Bắc Giang	Đại học Luật TPHCM	Luật dân sự		BPH02117		87.50	77.50	77.50		BPH00037
29	Lê Thị Quỳnh	Nga				24	7	1994	Thanh Hóa	Đại học công nghệ TPHCM	Kế toán		BPH02125		37.50	45.00	62.50		BPH00022

ng

30	Nguyễn Thị Nga				27	10	1991	Thanh Hóa	Đại học Sài Gòn	Tài chính ngân hàng		BPH02133		67.50	56.25	67.50		BPH00017
31	Nguyễn Thị Nga				26	3	1991	Vĩnh Nam, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Đà Lạt	Kế toán		BPH02132		VT	VT	VT		BPH00009
32	Nguyễn Thanh Như	Ngọc			5	7	1994	Thái Bình	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán		BPH02310		92.50	66.25	80.00		BPH00044
33	Quách Thị Trinh	Ngọc			25	2	1992	Hưng Yên	Đại học Luật TPHCM	Luật quốc tế		BPH02334		70.00	43.75	75.00		BPH00015
34	Bùi Thị Thanh	Nhân			16	10	1991	Ninh Giang, Hải Dương	Đại học Bình Dương	Kế toán		BPH02422		52.50	40.00	55.00		BPH00033
35	Dương Ngọc Quỳnh	Như			29	11	1994	Thái Thụy, Thái Bình	Đại học Kinh tế TPHCM	Kiểm toán		BPH02516		87.50	80.00	85.00		BPH00005
36	Trần Hồng	Nhung			26	1	1993	Phủ Yên	Trường Đại học Lạc Hồng	Quản trị kinh doanh		BPH02601		47.50	46.25	50.00		BPH00046
37	Nguyễn Thanh	Phượng	19	11	1986			Xã Ngư Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	Đại học Sài Gòn	Tài chính ngân hàng		BPH02800		30.00	28.75	47.50		BPH00032
38	Phạm Thị Liên	Phượng			29	8	1986	Yên Hồng, Ý Yên, Nam Định	Đại học Bình Dương	Quản trị kinh doanh		BPH02827		92.50	55.00	85.00		BPH00004
39	Võ Hà	Phượng			22	9	1993	Tam Quan Nam, Hoài Nhơn, Bình Định	Đại học Bình Dương	Tài chính ngân hàng		BPH02846		65.00	62.50	65.00		BPH00041
40	Lê Thị	Phượng			24	4	1991	Thanh Hoá	Đại học Sài Gòn	Tài chính Ngân Hàng		BPH02865		VT	VT	VT		BPH00061
41	Phí Văn	Sơn	23	6	1990			Đồng Á, Đồng Hưng, Thái Bình	Đại học Tư Thục Quốc tế Sài Gòn	Quản trị kinh doanh		BPH03057		70.00	47.50	62.50		BPH00012
42	Nguyễn Văn	Tài	9	9	1989			Bình Phước	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh tổng hợp		BPH03089		VT	VT	VT		BPH00065
43	Đinh Thành	Tâm	13	10	1992			Thanh Hóa	Đại học công nghiệp TPHCM	Kế toán - Kiểm toán		BPH03101		42.50	45.00	67.50		BPH00070
44	Nguyễn Dương Thanh	Tâm	1	12	1993			Bến Cát, Bình Dương	Đại học công nghệ TPHCM	Tài chính ngân hàng		BPH03119		VT	VT	VT		BPH00039
45	Phạm Thị Thanh	Tâm			20	12	1990	Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế TPHCM	Kế toán		BPH03129		82.50	57.50	82.50		BPH00025
46	Thái Thị Thanh	Tâm			2	7	1993	Sơn Mai, Hương Sơn, Hà Tĩnh	Trường Đại học công nghệ TP HCM	Tài chính Ngân Hàng		BPH03132		VT	VT	VT		BPH00060
47	Nguyễn Đức	Thắng	20	1	1992			Trung Đông, Trục Ninh, Nam Định	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Kinh tế kế hoạch à đầu tư		BPH03209		VT	VT	VT		BPH00055
48	Phạm Văn	Thắng	27	6	1979			Dân Quyền, Triệu Sơn, Thanh Hoá	Đại học Bình Dương	Kế toán		BPH03213		VT	VT	VT		BPH00053
49	Lương Quốc	Thanh	9	6	1986			Xã Nghĩa Thương huyện Tư nghĩa tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Nông Lâm TP HCM	Kế toán		BPH03237		45.00	31.25	MT		BPH00050
50	Bùi Đình	Thảo	16	10	1992			Bình Phước	Trường Đại học Kinh tế TP HCM	Tài chính Ngân Hàng		BPH03295		55.00	73.75	55.00		BPH00045
51	Bùi Lê Phương	Thảo			11	5	1994	Cát Khánh, Phú Cát, Bình Định	Đại học Luật TP HCM	Luật dân sự		BPH03296		70.00	51.25	52.50		BPH00058
52	Nguyễn Thị Anh	Thư			7	2	1989	Bình Dương	Trường Đại học Công nghiệp TPHCM	Kế toán - Kiểm toán		BPH03561		75.00	60.00	70.00		BPH00069
53	Phạm Ngọc	Thuận			21	10	1985	Xã Tam Giang, huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam	Đại học Mở TPHCM	Tài chính Ngân Hàng		BPH03598		42.50	31.25	55.00		BPH00062
54	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên			12	7	1994	Thừa Thiên Huế	Đại học Luật TPHCM	Quản trị		BPH03754		VT	VT	VT		BPH00006
55	Nguyễn Nam	Tiến	20	2	1987			Đồng La, Đồng Hưng, Thái Bình	Đại học mở TPHCM	Kinh tế - Luật		BPH03777		60.00	40.00	MT		BPH00013
56	Lưu Thủy	Trang			6	9	1991	Nghi Lộc, Nghệ An	Đại học Quốc tế Hồng Bàng	Tài chính ngân hàng		BPH03952		60.00	50.00	52.50		BPH00003
57	Trần Thị Xuân	Trang			18	2	1988	Bình Phước	Đại học công nghệ TPHCM	Quản trị kinh doanh		BPH04036		67.50	56.25	67.50		BPH00014
58	Phạm Văn	Trường	2	2	1994			Nghĩa Thương, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi	Đại học Lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán		BPH04197		42.50	37.50	37.50		BPH00023
59	Nguyễn Anh	Tú	13	10	1992			Bình Dương	Đại học Kinh tế TPHCM	Quản trị kinh doanh		BPH04220		77.50	55.00	72.50		BPH00008
60	Lại Thanh	Tuấn	27	12	1989			Thanh Hóa	Đại học Ngân hàng TPHCM	Tài chính ngân hàng		BPH04261		VT	VT	VT		BPH00007
61	Lê Thanh	Tuấn	25	7	1993			Thanh Hóa	Đại học Công nghiệp TPHCM	Quản trị kinh doanh quốc tế		BPH04265		75.00	68.75	72.50		BPH00010
62	Phạm Văn	Tuấn	16	2	1987			Bình Phước	Đại học Kinh tế TPHCM	Kế toán doanh nghiệp		BPH04278		75.00	51.25	65.00		BPH00028
63	Lê Thị	Tuyết			20	5	1983	Thanh Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán - Tài chính		BPH04366		70.00	35.00	VT		BPH00056
64	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết			25	9	1990	Hương Điền, Hương Khê, Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế TPHCM	Kế toán	Con TB	BPH04374	20	62.50	66.25	55.00		BPH00011
65	Phạm Thị	Tuyết			22	9	1988	Thanh Hóa	Đại học Ngân hàng TPHCM	Tài chính ngân hàng		BPH04376		VT	VT	VT		BPH00038

66	Hoàng Thị	Vân				26	7	1993	Hà Nội	Đại học Giao thông vận tải	Kế toán tổng hợp		BPH04416		75.00	66.25	72.50		BPH00001
67	Lê Hồng	Vân				8	2	1993	Xã Quang Lịch, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Đại học Cần Thơ	Kế toán		BPH04420		65.00	50.00	60.00		BPH00026
68	Phạm Thị	Vân				4	10	1981	Điền Nhi, Toàn Thắng, Gia Lộc, Hải Dương	Đại học Bình Dương	Kế toán		BPH04456		60.00	33.75	67.50		BPH00019
69	Nguyễn Thị	Vân				10	10	1992	Đại Hào, Triệu Đại, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Luật - Đại Học Huế	Luật TC Kinh Doanh		BPH04485		VT	VT	VT		BPH00051
70	Hà Thị Phi	Yến				1	11	1992	Đại Hồng, Đại Lộc, Quảng Nam	Đại học Công nghiệp TP HCM	Kế toán - Kiểm toán		BPH04634		VT	VT	VT		BPH00018
71	Nguyễn Thị Hải	Yến				15	12	1991	Bình Dương	Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP HCM	Kế toán		BPH04646		52.50	42.50	40.00		BPH00031
II. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin																			
III. Chuyên viên làm Văn thư lưu trữ																			
IV. Cán sự làm Công nghệ thông tin																			
V. Cán sự và Kiểm tra viên trung cấp thuế																			
VI. Cán sự làm Văn thư lưu trữ																			

usph